

Số: **3047** /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày **31** tháng **7** năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**BQLDA BỒI THƯỜNG H. TRỢ ĐÁI XH HỆ THỐNG
KÊNH MƯƠNG CTTL NGÀN TRUÔI CẨM TRẠNG**

**Về việc Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể
Hợp phần Hệ thống kênh (giai đoạn 1)**

ĐẾN Số: **378** Dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi – Cẩm Trang, tỉnh Hà Tĩnh

Ngày :

Chuyển :

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009, số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 1087a/QĐ-BNN-XD ngày 24/5/2011 phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình; số 1493/QĐ-BNN-XD ngày 22/6/2012 phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình; số 833/QĐ-BNN-XD ngày 24/4/2014 phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở hạng mục Đập dâng Vũ Quang; số 4095/QĐ-BNN-XD ngày 24/9/2014 phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở hạng mục Kênh chính Ngàn Trươi; số 1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011 phê duyệt kế hoạch đấu thầu đợt 1, số 54/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2013 phê duyệt kế hoạch đấu thầu đợt 2, số 846/QĐ-BNN-XD ngày 26/4/2014 phê duyệt Kế hoạch đấu thầu tổng thể, số 4520/QĐ-BNN-XD ngày 21/10/2014 phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể, số 4913/QĐ-BNN-XD ngày 12/11/2014 phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (2 gói TV11 và CK4) Hợp phần Hệ thống kênh, Dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi-Cẩm Trang, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-BKHĐT ngày 20/12/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao bổ sung kế hoạch vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và năm 2012; các văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 867/BNN-KH ngày 24/02/2014 thông báo kế hoạch vốn Trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016, số 427/BNN-KH ngày 15/01/2015 về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ các dự án thủy lợi năm 2015 (đợt 1), số 4961/TB-BNN-VP ngày 23/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo kết luận của Bộ trưởng Cao Đức Phát tại buổi làm việc với Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ các Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của chủ đầu tư;

Xét tờ trình số 226/TTr-BQLDA ngày 16/7/2015 của Ban Quản lý dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xây dựng hệ thống kênh mương công trình thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang (Ban QLDA Kênh);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình kèm Báo cáo thẩm định số 1062 /BC-XD-CĐ ngày 30/7/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể, hợp phần Hệ thống kênh (giai đoạn 1), Dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang, tỉnh Hà Tĩnh với nội dung chính sau:

Tổng số gồm **33 gói thầu** và 10 nội dung công việc cho phần không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu, với tổng giá trị là **1.380.015.000.000 đồng**, trong đó chia ra:

- Các gói thầu Tư vấn: 17 gói (chỉ định thầu: 14; đấu thầu rộng rãi: 03), với giá trị: 83.434.375.000 đồng.

- Các gói thầu Xây lắp: 11 gói thầu (đều đấu thầu rộng rãi TN), với giá trị: 1.183.881.967.000 đồng.

- Các gói thầu Chi khác: 05 gói (chỉ định thầu: 02; đấu thầu rộng rãi: 03), với giá trị: 19.760.751.000 đồng.

- Phần công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu, gồm 10 nội dung công việc, giá trị: 92.937.907.000 đồng.

1. Phần công việc đã thực hiện

Tổng số gồm **26 gói thầu**, với tổng giá trị: **1.080.712.882.000 đồng**, trong đó:

- Các gói thầu Tư vấn: gồm 14 gói thầu với tổng giá trị: 80.197.375.000 đồng (12 gói chỉ định thầu, 02 gói đấu thầu rộng rãi-Tư vấn giám sát thi công XD).

- Các gói thầu xây lắp: gồm 08 gói thầu với tổng giá trị: 981.923.888.000 đồng (08 gói đều đấu thầu rộng rãi).

- Các gói thầu chi khác: gồm 04 gói thầu với tổng giá trị: 18.591.619.000 đồng (02 gói chỉ định thầu, 02 gói đấu thầu rộng rãi).

Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo.

2. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

Gồm 10 nội dung công việc, với tổng giá trị: **92.937.907.000 đồng**.

Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo.

3. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Tổng số gồm **07 gói thầu**, với tổng giá trị: **206.364.211.000 đồng**, trong đó:

- Các gói thầu Tư vấn: gồm 03 gói thầu với tổng giá trị: 3.237.000.000 đồng (01 gói đấu thầu rộng rãi).

- Các gói thầu xây lắp: gồm 03 gói thầu với tổng giá trị: 201.958.079.000 đồng (03 gói thầu rộng rãi).

- Các gói thầu chi khác: gồm 01 gói thầu với giá trị: 1.169.132.000 đồng (01 gói thầu rộng rãi).

Giá của các gói thầu tạm tính trên cơ sở Tổng mức đầu tư (giai đoạn 1) Hợp phần Hệ thống kênh được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 1493/QĐ-BNN-XD ngày 22/6/2012 (đã bao gồm cả chi phí dự phòng). Việc thẩm định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công (hoặc đề cương), dự toán gói thầu thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và các quy định liên quan về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Giá trị dự toán gói thầu tăng thêm được sử dụng từ chi phí dự phòng chung (hợp phần kênh+đầu mối) trong tổng mức đầu tư được duyệt tại Quyết định số 1493/QĐ-BNN-XD ngày 22/6/2012 của Bộ.

Tên gói thầu, giá gói thầu, nguồn vốn, hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng tại phụ lục 3 kèm theo.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT số: 1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011 phê duyệt kế hoạch đấu thầu đợt 1, 54/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2013 phê duyệt kế hoạch đấu thầu đợt 2 và thay thế Quyết định số 846/QĐ-BNN-XD ngày 26/4/2014, 4520/QĐ-BNN-XD ngày 21/10/2014 phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể, 4913/QĐ-BNN-XD ngày 12/11/2014 phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu (2 gói TV11 và CK4).

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng và thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Tài chính, Kế hoạch; Trưởng Ban Quản lý dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xây dựng hệ thống kênh mương công trình thủy lợi Ngàn Trươi-Cầm Trang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (báo cáo);
- Kho Bạc NN Hà Tĩnh;
- Ban QLDA Kênh;
- Lưu VT, XD (4b).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Văn Thắng

PHỤ LỤC 1. PHẦN CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số **3047** /QĐ-BNN-XD ngày **31/7/2015** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Ký hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (1.000 đồng)	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện	Số văn bản phê duyệt
I	Các gói thầu tư vấn			80.197.375			
1	Khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng công trình	Tổng Công ty TVXD thuỷ lợi Việt Nam		16.190.228	Theo đơn giá điều chỉnh (Phần khảo sát) Theo tỷ lệ phần trăm (Phần lập DA)	Từ 6/2007 đến 5/2011	2145/VPCP-NN ngày 20/4/2007; 744/BNN-XD ngày 20/3/2007; 1087a/QĐ-BNN-XD ngày 24/5/2011; 1493/QĐ-BNN-XD ngày 22/6/2012
2	Thẩm tra dự án đầu tư	Công ty TNHH TVXD Hồng Hà		718.359	Theo tỷ lệ phần trăm	Từ 9/2009 đến 5/2011	1378/XD-TĐ ngày 14/8/2009; 1087a/QĐ-BNN-XD ngày 24/5/2011; 1493/QĐ-BNN-XD ngày 22/6/2012
3	Phản biện kỹ thuật dự án đầu tư (2 đợt)	Trung tâm TVKH-CN PT tài nguyên nước		839.776	Theo dự toán	Từ 9/2009 đến 5/2011	1378/XD-TĐ ngày 14/8/2009; 1087a/QĐ-BNN-XD ngày 24/5/2011; 1493/QĐ-BNN-XD ngày 22/6/2012
4	Khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - Dự toán và thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán (giai đoạn 1)	Tổng công ty TVXD thuỷ lợi Việt Nam	TV01	52.639.403	Theo đơn giá điều chỉnh (Phần khảo sát), Theo tỷ lệ phần trăm (Phần thiết kế)	Từ 6/2011 đến 6/2013	1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011; 132/QĐ-BQLDA ngày 19/8/2011; 137/2011/HĐ-TVXD ngày 22/8/2011; 13/2013/PL02-TVXD ngày 05/01/2013

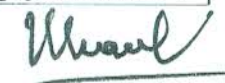
Nguyễn Văn...

TT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Ký hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (1.000 đồng)	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện	Số văn bản phê duyệt
5	Thẩm tra thiết kế kỹ thuật - Dự toán và thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán kênh chính Ngàn Trươi	Trung tâm TVKHCN PT tài nguyên nước	TV02	850.977	Theo tỷ lệ tỷ lệ phần trăm	24 tháng	1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011; 54/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2013; 130/QĐ-BQLDA ngày 18/8/2011; PLHĐ 28/2013/PL01-HĐTV
6	Lập hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu thi công xây dựng công trình	Trung tâm TVKHCN PT tài nguyên nước	TV03	122.132	Theo tỷ lệ phần trăm	20 ngày	1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011; 10/QĐ-BQLDA ngày 05/01/2013
7	Giám sát thi công rà phá bom mìn, vật nổ (đợt 1 gồm: Đập dâng Vũ Quang và kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ đập dâng Vũ Quang đến xi phông Cẩm Trang)	Tiểu đoàn vật cản 93 thuộc Bộ Tư lệnh Công binh	TV04	107.821	Theo tỷ lệ phần trăm	Từ khi khởi công đến khi hoàn thành công tác rà phá bom mìn, vật nổ	1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011; 180/QĐ-BQLDA ngày 20/10/2011, 181/2011/HĐTV-GSRPBM ngày 20/10/2011
8	Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K0 đến K6+900	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi 2	TV05	3.676.000	Theo tỷ lệ phần trăm	Từ khi khởi công xây dựng đến khi hoàn thành bàn giao công trình	1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011; 54/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2013; 74/QĐ-BQLDA ngày 04/2013
9	Khảo sát, lập phương án và dự toán rà phá bom mìn, vật nổ (đợt 1 gồm: Đập dâng Vũ Quang và kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ đập dâng Vũ Quang đến xi phông Cẩm Trang)	Tổng Công ty 319 - Bộ Quốc phòng	TV06	155.586	Theo tỷ lệ phần trăm	30 ngày	1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011; 147/QĐ-BQLDA ngày 07/9/2011; 148/2011/HĐTV-PARPBM, 71/PLHĐ-PARPBM ngày 27/4/2012

TT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Ký hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (1.000 đồng)	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện	Số văn bản phê duyệt
10	Phản biện thiết kế kỹ thuật đầu mối Vũ Quang, kênh chính Ngàn Trươi, kênh chính Linh Cẩm	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi 2	TV07	349.633	Trọn gói	12 tháng	54/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2013
11	Khảo sát, lập phương án và dự toán rà phá bom mìn, vật nổ kênh chính Ngàn Trươi (đợt 2) đoạn từ K6+900 đến Kc (đến kênh chính Linh Cẩm)	Tổng Công ty 319 - Bộ Quốc phòng	TV08	182.873	Theo tỷ lệ phần trăm	30 ngày	54/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2013; 109/QĐ-BQLDA ngày 13/5/2013
12	Giám sát thi công rà phá bom mìn, vật nổ kênh chính Ngàn Trươi (đợt 2) đoạn từ K6+900 đến Kc (đến kênh chính Linh Cẩm)	Tiểu đoàn 93 - Bộ Tư lệnh công binh	TV09	124.345	Theo tỷ lệ phần trăm	45 ngày	54/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2013; 198/QĐ-BQLDA ngày 27/9/2013; 109/QĐ-BQLDA ngày 26/3/2015 (BS bãi VL)
13	Thẩm tra thiết kế kỹ thuật - Dự toán và thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán đầu mối Vũ Quang	Trung tâm TVKHCN PT tài nguyên nước	TV10	440.242	Theo tỷ lệ phần trăm	12 tháng	54/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2013; 29/QĐ-BQLDA ngày 23/01/2013
14	Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K6+900 đến K8+670 và đập dâng Vũ Quang	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Thủy lợi 2	TV11	3.800.000	Trọn gói	Từ khi khởi công xây dựng đến khi hoàn thành bàn giao đưa công trình vào sử dụng	4520/QĐ-BNN-XD ngày 21/10/2014; 4913/QĐ-BNN-XD ngày 12/11/2014; 314/QĐ-BQLDA ngày 31/12/2014
II	Các gói thầu xây lắp			981.923.888			

Thuanh

TT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Ký hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (1.000 đồng)	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện	Số văn bản phê duyệt
1	Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K0 đến K1+064	Liên danh Cty CP Tùng Trường Sơn và Cty CPXD TL1 Nghệ An	XL1	79.919.130	Theo đơn giá điều chỉnh	24 tháng	1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011; 54/QĐ-BNN- XD ngày 09/01/2013; 74/QĐ-BQLDA ngày 08/4/2013; 287/QĐ-QLDA ngày 08/12/2014; 1238/BNN-XD ngày 02/02/2015;
2	Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K1+064 đến K2+292	Liên danh Cty CPĐT và XD Đại An và Cty CPXD và PT kinh doanh	XL2	33.347.134	Theo đơn giá điều chỉnh	24 tháng	1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011; 54/QĐ-BNN- XD ngày 09/01/2013; 74/QĐ-BQLDA ngày 08/4/2013
3	Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K2+292 đến K3+612	Liên danh Cty CPXL Thành Vinh và Tổng Cty XD NN và PTNT Thanh Hóa	XL3	93.977.272	Theo đơn giá điều chỉnh	30 tháng	1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011; 54/QĐ-BNN- XD ngày 09/01/2013; 74/QĐ-BQLDA ngày 08/4/2013; 2329/BNN-XD ngày 23/3/2015; 117/QĐ- BQLDA ngày 03/4/2015
4	Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K3+612 đến K4+806	Liên danh Cty CPXD và nhân lực VN và Cty CP Mai Thành Huy	XL4	143.210.595	Theo đơn giá điều chỉnh	26 tháng	1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011; 54/QĐ-BNN- XD ngày 09/01/2013; 74/QĐ-BQLDA ngày 08/4/2013; 139b/QĐ- BQLDA ngày 26/5/2014



TT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Ký hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (1.000 đồng)	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện	Số văn bản phê duyệt
5	Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K4+806 đến K5+610	Công ty CPXD và PTNT 10	XL5	94.033.563	Theo đơn giá điều chỉnh	28 tháng	1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011; 54/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2013; 74/QĐ-BQLDA ngày 08/4/2013
6	Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K5+610 đến K6+900	Liên danh Cty CPXD và TM Hoàng Đạt và Cty CPXD TL2 Nghệ An	XL6	67.149.194	Theo đơn giá điều chỉnh	29 tháng	1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011; 54/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2013; 74/QĐ-BQLDA ngày 08/4/2013
7	Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K6+900 đến K8+670	Liên danh Cty CP xây dựng Thủy lợi Hải Phòng và Công ty CP Mai Thành Huy	XL7	244.619.000	Theo đơn giá điều chỉnh	30 tháng	4520/QĐ-BNN-XD ngày 21/10/2014; 314/QĐ-BQLDA ngày 31/12/2014
8	Đập dâng Vũ Quang	Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải	XL13	225.668.000	Theo đơn giá điều chỉnh	27 tháng	4520/QĐ-BNN-XD ngày 21/10/2014; 314/QĐ-BQLDA ngày 31/12/2014
III	Các gói thầu chi phí khác			18.591.619			
1	Thi công rà phá bom mìn, vật nổ (đợt 1 gồm: Đập dâng Vũ Quang và kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ đập dâng Vũ Quang đến xi phông Cẩm Trang)	Tổng Công ty 319 - Bộ Quốc phòng	CK1	6.364.961	Theo đơn giá cố định	45 ngày	1731/QĐ-BNN-XD ngày 02/8/2011; 130/QĐ-BQLDA ngày 18/8/2011; 179/2011/HĐ-RPBM ngày 20/10/2011, 63a/PLHĐ-RPBM ngày 09/4/2012

Handwritten signature

TT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Ký hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (1.000 đồng)	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện	Số văn bản phê duyệt
2	Bảo hiểm xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K0-K6+900	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	CK2	3.037.097	Trộn gói	Từ khi khởi công xây dựng công trình đến hết thời gian bảo hành công trình	54/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2013; 174/QĐ-BQLDA ngày 08/4/2013
3	Thi công rà phá bom mìn, vật nổ kênh chính Ngàn Trươi (đợt 2) đoạn từ K6+900 đến Kc (đến kênh chính Linh Cảm)	Công ty TNHH một thành viên xử lý bom mìn, vật nổ 319 - Bộ Quốc phòng	CK3	5.981.033	Theo đơn giá cố định	45 ngày	54/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2013; 180/QĐ-BQLDA ngày 11/9/2013; 62/QĐ-BQP ngày 09/01/2015; 2392/BNN-XD ngày 24/3/2015 (BS Bãi VL)
4	Bảo hiểm xây dựng, lắp đặt thiết bị kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K6+900÷K8+670 và đập dâng Vũ Quang	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	CK4	3.208.528	Trộn gói	Từ khi khởi công xây dựng đến hết thời gian bảo hành công trình	4520/QĐ-BNN-XD ngày 21/10/2014; 4913/QĐ-BNN-XD ngày 12/11/2014; 314/QĐ-BQLDA ngày 31/12/2014
Tổng giá trị thực hiện				1.080.712.882			

Ghi chú: Giá trị thực hiện của các gói thầu XL1, XL3, XL4 đã được cập nhật giá trị điều chỉnh, bổ sung hợp đồng đến thời điểm trình duyệt (7/2015).

Nguyễn Văn...

PHỤ LỤC 2. PHẦN CÔNG VIỆC KHÔNG ÁP DỤNG MỘT TRONG CÁC HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số **3047** /QĐ-BNN-XD ngày **31** /7/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị thực hiện (1.000 đồng)
1	Đánh giá HSĐX, HSDT	Ban QLDA (Chủ đầu tư)	182.549
2	Lệ phí thẩm định kết quả đấu thầu xây lắp	Ban QLDA (Chủ đầu tư)	90.860
3	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Bộ Nông nghiệp và PTNT	789.580
4	Chi phí Quản lý dự án	Ban QLDA (Chủ đầu tư)	6.896.290
5	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	Cục Quản lý XDCT	124.000
6	Chi phí thực hiện giám sát, đánh giá dự án đầu tư của Chủ đầu tư	Ban QLDA (Chủ đầu tư)	1.379.258
7	Cập nhật chế độ dự toán trong quá trình xây dựng...	Ban QLDA (Chủ đầu tư)	300.000
8	Rà soát dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật các hạng mục		200.000
9	Chi phí phòng chống lụt, bão, phòng chống cháy nổ; nghiệm thu, đấu nối điện; thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường...	Ban QLDA (Chủ đầu tư)	1.100.000
10	Dự phòng		81.875.370
Tổng giá trị thực hiện			92.937.907

Uluant



PHỤ LỤC 3. PHẦN KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số **3047** /QĐ-BNN-XD ngày **31/7/2015** của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên gói thầu	Ký hiệu gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	Các gói thầu tư vấn		3.237.000						
1	Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K8+670 đến Kc (đến kênh chính Linh Cảm)	TV12	1.415.000	Trái phiếu Chính phủ	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý III/2015	Trọn gói	Từ khi khởi công xây dựng đến khi hoàn thành bàn giao công trình
2	Chi phí kiểm toán độc lập	TV13	1.522.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2017	Trọn gói	45 ngày
3	Kiểm định chất lượng công trình	TV14	300.000		Chỉ định thầu	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý III/2015	Trọn gói	120 ngày
II	Các gói thầu xây lắp		201.958.079						
1	Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K8+670 đến K10+500	XL8	39.218.224	Trái phiếu Chính phủ	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý III/2015	Theo ĐG điều chỉnh	20 tháng
2	Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K10+500 đến K14+600	XL9	137.699.590		Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý III/2015	Theo ĐG điều chỉnh	24 tháng
3	Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K14+600 đến K16+220 (Kc)	XL10	25.040.265		Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý III/2015	Theo ĐG điều chỉnh	20 tháng
III	Các gói thầu chi phí khác		1.169.132						

Handwritten signature

TT	Tên gói thầu	Ký hiệu gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Bảo hiểm xây dựng, lắp đặt thiết bị kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K8+670 đến Kc (kênh chính Linh Cảm)	CK5	1.169.132	Trái phiếu Chính phủ	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý III/2015	Trộn gói	Từ khi khởi công xây dựng đến hết thời gian bảo hành công trình
Tổng cộng giá các gói thầu:			206.364.211						

Ghi chú: Giá gói thầu tạm tính theo giá trị trong tổng mức đầu tư đã được Bộ phê duyệt tại Quyết định số 1493/QĐ-BNN-XD ngày 22/6/2012, trong đó đã bao gồm chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và dự phòng cho yếu tố trượt giá. Việc thẩm định, phê duyệt thiết kế BVTC, dự toán gói thầu thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và các quy định liên quan về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. 